

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1431/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y, Quản lý dê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y, Quản lý dê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 526/TTr-SNNMT ngày 28/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y, Quản lý dê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Các thủ tục hành chính và quy trình nội bộ sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Thủ tục hành chính có số thứ tự 04, 05, 15 đến 19, 21 Phần A Phụ lục I và Quy trình nội bộ số 01, 02 tiểu mục I; số 05 đến 09 tiểu mục II, Mục A Phần I Phụ lục II kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Khoa học công nghệ và môi trường, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02 Mục II Phần B Phụ lục I và Quy trình nội bộ số 01, 02 Phần I Phụ lục II Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Chăn nuôi, Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn.

3. Thủ tục hành chính có số thứ tự 4, 5 Mục II Phần C Phụ lục I kèm theo Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

4. Quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự tại Tiểu Mục II, Mục C Phần I Phụ lục II; số thứ tự tại 01 Tiểu Mục I, Mục B Phần I Phụ lục III kèm theo Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y QUẢN LÝ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 28 /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ CẤP TỈNH (27 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
I	Lĩnh vực Chăn nuôi (11 TTHC)						
1	1.0081 26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 25 ngày làm việc - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Nghị định số 46/2022/NĐ-C - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Khoản 3 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Điều 7 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT
2	1.0081 27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	05 ngày làm việc			

¹ Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
		đặt hàng					
3	1.008122	Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	10 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - <i>Khoản 7 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 18 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
4	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	15 ngày làm việc			- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - <i>Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
5	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	15 ngày làm việc			
6	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	10 ngày làm việc			
7	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	10 ngày làm việc			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
8	1.0081 24	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	03 ngày làm việc			- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP - <i>Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
9	1.0081 25	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	03 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	
10	1.0110 31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	20 ngày làm việc			- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP - <i>Khoản 5 Điều 12 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 17 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
11	1.0110 32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	03 ngày làm việc			
II	Lĩnh vực Thú y Thú y (16 TTHC)						

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
12	1.0047 56	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	- Cấp mới: 05 ngày làm việc - Gia hạn: 03 ngày làm việc			- Luật thú y số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - <i>Khoản 1 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 6 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
13	1.0047 34	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	03 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật thú y số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - <i>Khoản 2 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 6 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
14	1.0024	Cấp Giấy chứng	Cấp Giấy chứng	08 ngày làm việc			- Luật số 79/2015/QH13

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
	09	nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y				- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - <i>Nghị định số 131/2025/NĐ-CP</i> - <i>Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
15	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	05 ngày làm việc			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
16	1.0037 03	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	*Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận: Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc. * Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: 01 ngày làm việc - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp + Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn: khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc + Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucon.g.gov.vn	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP - Khoản 5 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Điều 16 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
				chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với dược phẩm thú y và 60 ngày đối với vắc xin, kháng thể thú y * Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng: 08 ngày làm việc			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
17	1.0040 22	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC - <i>Nghị định 136/2025/NĐ-CP</i> - <i>Điều 27 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
18	1.0114 75	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	14 ngày làm việc			- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - <i>Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>
19	1.0114 77	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	3,5 ngày làm việc			- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - <i>Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
20	1.0114 78	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	21 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT
21	1.0114 79	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	03 ngày làm việc			- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Điều 26 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
22	2.000873	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y: 04 ngày làm việc - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Không tiếp nhận qua bộ phận một cửa. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ qua đường Bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc.	- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 285/2016/TT-BTC
23	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP - <i>Nghị định số 131/2025/NĐ-CP</i> - <i>Khoản 4 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 8 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i> - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
24	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức đăng ký)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 123/2018/NĐ-C - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT - <i>Nghị định số 131/2025/NĐ-CP</i> - <i>Khoản 4 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điều 8 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT</i>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
25	1.0113 26	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất: 08 ngày làm việc - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y: 05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT - <i>Nghị định số 131/2025/NĐ-CP</i> - <i>Nghị định 136/2025/NĐ-CP</i> ;
26			Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	05 ngày làm việc			
27			Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	15 ngày làm việc			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (03 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Chăn nuôi (02 TTHC)						
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP - Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; - Điều 19 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT
2	1.012837	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	41 ngày làm việc			- Điều 7, Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP - Khoản 7 Điều 7 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; - Điều 20 Thông tư 09/2025/TT-BNNMT

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Thú y (thay thế TTHC lĩnh vực Quản lý điều và Phòng, chống thiên tai) (01TTHC)						
3	2.0001262	Hỗ trợ khôi phục vùng sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	25 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ Hành chính công xã. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: đối với trường hợp UBND cấp xã không đủ kinh phí hỗ trợ: UBND cấp tỉnh - Cơ quan quyết định: việc bổ sung kinh phí từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc diện được hỗ trợ từ ngân sách trung ương Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/06/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật

I. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
01	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163)	- Thủ tục hành chính có số thứ tự 4, Mục II Phần C Phụ lục I kèm theo Quyết định số 772 /QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn, Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn	Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/06/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH
VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (12 TTHC)**

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	
II	LĨNH VỰC THÚ Y (07 TTHC)	
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	
3	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
6	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	
7	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)	
1	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	
2	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	
II	LĨNH VỰC THÚ Y (01 TTHC)	
1	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Bưu chính công ích: BCCI
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chăn nuôi, thủy sản và Thú y: CN, TS&TY
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Văn phòng: VP

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

1.1. Trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung.

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 16 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 25 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 09 ngày làm việc)

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 19 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 28 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 09 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			trực tiếp	Qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC tại TTPVHCC/ Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	1/2 ngày	2,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ:	Chuyên viên	02 ngày	03 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			trực tiếp	Qua mạng hoặc BCCI
	- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi	Phòng CN, TS&TY		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	07 ngày	07 ngày
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Đóng dấu, phát hành văn bản; Chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết Thông kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		16 ngày	19 ngày

1.2. Trường hợp cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng.

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 10 ngày làm việc.

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ BCCI: 13 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	1/2 ngày	03 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo văn bản giải quyết	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	5,5 ngày	06 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, báo cáo kết quả xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 ngày	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thông kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày	13 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ")

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc).

- Nộp hồ sơ hồ sơ nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ BCCI: 06 ngày làm việc x

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

08 giờ = 48 giờ làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 08 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển lên Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	04 giờ	16 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ	04 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo văn bản giải quyết	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	06 giờ	12 giờ
B4	Xem xét hồ sơ, báo cáo kết quả xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	08 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ	04 giờ
B6	Ban hành văn bản; In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/ CCMC của Sở tại TTPVHCC	04 giờ	04 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ	48 giờ

II. LĨNH VỰC THÚ Y (07 TTHC)

1. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)

- **Trường hợp cấp mới:** Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

- Trường hợp gia hạn: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH cấp mới	TH gia hạn
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	04 giờ	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu chuyên viên dự thảo Chứng chỉ hành nghề thú y (gia hạn) và chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	16 giờ	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Chứng chỉ hành nghề thú y (gia hạn). - Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	04 giờ
B6	- Đóng dấu, vào sổ, phát hành văn bản; Chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVB Đ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH cấp mới	TH gia hạn
	Tổng thời gian giải quyết		40 giờ	24 giờ

2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo Chứng chỉ hành nghề thú y (cấp lại)	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt Chứng chỉ hành nghề thú y (cấp lại).	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển đến CCMC của Sở tại TTPVHCC.	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		24 giờ

3. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp hồ sơ trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc (BCCI)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	04 giờ	12 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi, thủy sản và Thú y	04 giờ	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu chuyên viên xử lý dự thảo Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y và chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng xem xét	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	16 giờ	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	08 giờ
B6	Đóng dấu, vào sổ, phát hành văn bản, chuyển đến CCMC của Sở tại TTPVHCC.	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	04 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			40 giờ	48 giờ

4. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu, dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra.	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	06 ngày
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	01 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	1,5 ngày
B10	- Đóng dấu, phát hành văn bản; Chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		14 ngày

5. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)

Thời hạn giải quyết TTHC: 3,5 ngày làm việc x 08 giờ = 28 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu, dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ
B6	Đóng dấu, vào sổ, phát hành văn bản, chuyển đến CCMC của Sở tại TTPVHCC.	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			28 giờ

6. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN,	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	TS&TY.		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu, dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	03 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	10 ngày
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	2,5 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B10	- Đóng dấu, phát hành văn bản; Chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

7. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)

Thời hạn giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ; - Trường hợp đạt yêu cầu, dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, vào sổ, phát hành văn bản, chuyển đến CCMC của Sở tại TTPVHCC.	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		24 giờ

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)

1 Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** Nộp hồ sơ trực tiếp: 20 ngày làm việc

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

+ Trường hợp 2: Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 21 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo UBND cấp xã (<i>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ định kỳ 03 tháng/lần</i>)	CC tại TTPVHCC cấp xã	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công phòng chuyên môn thực hiện	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	1/2 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Văn bản của UBND cấp xã đề tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo; Dự thảo Tờ trình, Quyết định hỗ trợ kinh phí...	Chuyên viên Phòng chuyên môn	16,5 ngày	16,5 ngày
B5	Kiểm tra nội dung văn bản xử lý, trình lãnh đạo UBND xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày	01 ngày
B6	Xem xét, phê duyệt Quyết định hỗ trợ hoặc Văn bản từ chối hỗ trợ kinh phí (<i>trường hợp từ chối</i>).	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày	02 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		20 ngày	21 ngày

2. Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** Nộp hồ sơ trực tiếp: 40 ngày làm việc

+ **Trường hợp 2:** Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 41 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo UBND cấp xã (<i>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối hằng quý</i>)	CC tại TTPVHCC cấp xã	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công phòng chuyên môn thực hiện	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	1/2 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Dự thảo Tờ trình, Quyết định hỗ trợ kinh phí hoặc văn bản thông báo không hỗ trợ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	15,5 ngày	15,5 ngày
B5	Kiểm tra nội dung văn bản xử lý, trình lãnh đạo UBND xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày	01 ngày
B6	Xem xét, phê duyệt Quyết định hỗ trợ hoặc Văn bản không hỗ trợ kinh phí (<i>trường hợp từ chối</i>).	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày	02 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B7	Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo Quyết định cho đối tượng được hỗ trợ	Chuyên viên UBND cấp xã	20 ngày	20 ngày
B8	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời gian	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		40 ngày	41 ngày

II. LĨNH VỰC THÚ Y (01 TTHC)

1. Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** Nộp hồ sơ trực tiếp: 25 ngày làm việc

+ **Trường hợp 2:** Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 28 ngày làm việc

+ **Trường hợp 3:** Nộp qua mạng: 26 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện		
			TH 1	TH 2	TH 3
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác, hướng dẫn cơ sở sản xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo UBND cấp xã (<i>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật tại ổ dịch</i>)	CCMC	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
B2	Phân công phòng chuyên môn thực hiện	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
B4	Dự thảo quyết định thành lập tổ thẩm định	Chuyên viên Phòng chuyên	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện		
			TH 1	TH 2	TH 3
		môn			
B5	Phê duyệt Quyết định Thành lập tổ thẩm định	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/2 ngày	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Thẩm định điều kiện, hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Dự thảo Bảng tổng hợp đề xuất hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh	Chuyên viên Phòng chuyên môn	6,5 ngày	9,5 ngày	7,5 ngày
B7	Kiểm tra nội dung văn bản xử lý, trình lãnh đạo UBND xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày	01 ngày	01 ngày
B8	- Niêm yết kết quả thẩm định tại trụ sở UBND xã: Bảng tổng hợp đề xuất hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh - Thông báo bằng văn bản cho cơ sở sản xuất không đủ điều kiện hỗ trợ	Chuyên viên Phòng chuyên môn	05 ngày	05 ngày	05 ngày
B9	Xử lý kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	05 ngày	05 ngày	05 ngày
B10	Thực hiện lập hồ sơ hỗ trợ, ban hành Quyết định hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ	Chuyên viên UBND xã	03 ngày	03 ngày	03 ngày
B11	Xem xét, phê duyệt, ban hành Quyết định hỗ trợ.	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày	02 ngày	02 ngày
B12	- Tổ chức chi trả hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ - Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC	Không tính thời gian		
	Tổng thời gian giải quyết		25 ngày	28 ngày	26 ngày

Phụ lục III

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND, ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (17 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Chăn nuôi (09 TTHC)	
1	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	
3	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	
4	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	
5	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	
6	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
7	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
II	Lĩnh vực Thú y (08 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
5	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)	

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	
8	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	

Phần II**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG****CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT**

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Bưu chính công ích: BCCI
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chăn nuôi, thủy sản và Thú y: CN, TS&TY
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Văn Phòng: VP.

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (09TTHC)**1. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:
- + Nộp hồ sơ trực tiếp: 10 ngày làm việc
- + Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 11 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY.	CCMC tại TTPVHCC/ Văn thư Sở/ Lãnh đạo VP Sở	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Thành lập Đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở	Đoàn kiểm tra	2,5 ngày	2,5 ngày
B7	Xem xét hồ sơ của cơ sở và Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra, dự thảo Giấy phép	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy phép; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày	02 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày	11 ngày

2. Nhóm 02 TTHC:

2.1. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước

2.2. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc (Nộp qua mạng bằng hình thức truy cập vào Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo. - Trường hợp chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. (Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo). - Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo	1/4 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
		Phòng CN, TS&TY	
B3	Kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Dự thảo ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước trên hệ thống	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	08 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1,5 ngày
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, Phê duyệt ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước trên hệ thống; Chuyên kết quả đến CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày

3. Nhóm 02 TTHC:

3.1. Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung

3.2. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc (Nộp qua mạng bằng hình thức truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo. - Trường hợp chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. (Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo).	CCMC Sở tại TTPVHCC	01 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY		
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Dự thảo ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý công bố lại/thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước trên hệ thống	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	03 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1,5 ngày
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, Phê duyệt ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý công bố lại/thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước trên hệ thống; Chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày

4. Nhóm 02 TTHC

4.1. Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

4.2. Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ (Nộp qua mạng bằng hình thức truy cập vào Cổng thông tin Một cửa quốc gia

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	08 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Dự thảo ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý xác nhận đăng ký kiểm tra/ quyết định miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	06 giờ
B4	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Xem xét, Phê duyệt ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý xác nhận đăng ký kiểm tra/ quyết định miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia; Chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	08 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		32 giờ

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 20 ngày làm việc

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 21 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	03 ngày	03 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
	- Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Thành lập Đoàn kiểm tra			
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở	Đoàn kiểm tra	07 ngày	07 ngày
B7	Xem xét hồ sơ của cơ sở và Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra, dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản thông báo không cấp	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày	02 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận văn bản thông báo không cấp; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày	21 ngày

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	04 giờ	12 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ:	Chuyên viên	06 giờ	06 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
	- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản thông báo không cấp	Phòng CN, TS&TY		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ	02 giờ
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ	04 giờ
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận hoặc văn bản thông báo không cấp; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	06 giờ	06 giờ
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ	32 giờ

II. LĨNH VỰC THÚ Y (08 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC

1.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

1.2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 08 ngày làm việc

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 09 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	1/2 ngày	1,5 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Thành lập Đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở	Đoàn kiểm tra	02 ngày	02 ngày
B7	Xem xét hồ sơ của cơ sở và Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra, dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	1,5 ngày	1,5 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			08 ngày	09 ngày

2. Nhóm 02 TTHC

2.1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)

2.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 06 ngày làm việc x 08 giờ = 48 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	04 giờ	12 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	08 giờ	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ	04 giờ
B6	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	12 giờ	1,5 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/ NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		40 giờ	48 giờ

3. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua mạng bằng hình thức truy cập vào Cổng thông tin Một cửa quốc gia

* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận: Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc.

* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ: 01 ngày làm việc

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp: 07 ngày làm việc

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ : 17 ngày làm việc đối với thuốc; 62 ngày đối với vắc xin, kháng thể.

* Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng: 04 ngày làm việc

3.1. Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định

-Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ **Trường hợp 1:** hồ sơ đầy đủ: 01 ngày làm việc

+ **Trường hợp 2:** hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp: 07 ngày làm việc

+ **Trường hợp 3:** hồ sơ không đầy đủ : 17 ngày làm việc đối với thuốc; 62 ngày đối với vắc xin, kháng thể.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 2	TH 3
B1	Tiếp nhận hồ sơ trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo. - Trường hợp chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. (Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo). - Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	01 ngày	01 ngày
B2	Xem xét trình Lãnh đạo Sở xác nhận trên đơn đăng ký	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Phê duyệt trên đơn đăng ký.	Lãnh đạo	1/2 ngày	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 2	TH 3
	Chuyển đơn đăng ký lại lãnh đạo phòng	Sở NN&MT		
B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng thuốc thú y nhập khẩu, dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu theo quy định trình Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1,5 ngày	thêm 7 ngày đối với thuốc. thêm 52 ngày đối với vắc xin, kháng thể.
B6	Lãnh đạo phòng xem xét dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1,5 ngày
B7	Phê duyệt Văn bản trình ký.	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	01 ngày
B8	Xem xét, Phê duyệt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu; Chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày	03 ngày
B9	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày	+ Kết quả kiểm tra chất lượng thuốc thú y: 17 ngày + Kết quả kiểm tra chất lượng kháng thể, vắc xin thú y: 62 ngày

3.2. Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng

-Tổng thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc x 8 giờ = 32 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận, chuyển bước tiếp theo. - Trường hợp chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. - Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	08 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ
B3	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu, dự thảo Thông báo kết quả theo quy định trình Lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	06 giờ
B4	Lãnh đạo phòng xem xét dự thảo Thông báo kết quả trình Lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Xem xét, Phê duyệt xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu đối với hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ; Chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	08 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi.	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		32 giờ

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm vắc xin)

4.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:
- + Nộp hồ sơ trực tiếp: 08 ngày làm việc
- + Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 09 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Thành lập Đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở	Đoàn kiểm tra	02 ngày	02 ngày
B7	Xem xét hồ sơ của cơ sở và Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra, dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho	Chủ tịch UBND tỉnh	1,5 ngày	1,5 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
	CCMC tại TTPVHCC.			
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			08 ngày	09 ngày

4.2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:
- + Nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ
- + Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	04 giờ	12 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	12 giờ	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	06 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B6	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	10 giờ	10 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			40 giờ	48 giờ

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

+ Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC	04 giờ	12 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	12 giờ	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	04 giờ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	06 giờ
B6	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	10 giờ	10 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			40 giờ	48 giờ

6. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)

- Tổng thời gian thực hiện TTHC:
- + Nộp hồ sơ trực tiếp: 15 ngày làm việc
- + Nộp qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 16 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ đến Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo Thành lập Đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 39/ Ngày 14-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
	NN&MT			
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày	1/2 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở	Đoàn kiểm tra	06 ngày	06 ngày
B7	Xem xét hồ sơ của cơ sở và Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra, dự thảo Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B8	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	1/2 ngày	1/2 ngày
B9	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày	01 ngày
B10	Xem xét, phê duyệt Giấy chứng nhận; Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B11	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày	16 ngày